

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/DS-ST

Ngày: 03-12-2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NIÊN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Đình Toàn

- Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai.

2- Ông Phan Thanh Long.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ái Phương là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Cẩm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2025/TLST-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXS-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: ông Trương Văn C, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị G sinh năm 1965(có mặt).

Trú tại: thôn D, xã B, tỉnh Gia Lai (địa chỉ trước khi sáp nhập: KP D, thị trấn B, huyện P, tỉnh Bình Định).

2- Bị đơn: bà Trương Thị Triều M, sinh năm 1988 (có mặt).

Trú tại: Số nhà A V, xã B, tỉnh Gia Lai (địa chỉ trước khi sáp nhập: Số nhà A V, thị trấn B, huyện P, tỉnh Bình Định).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại Tòa hôm nay nguyên đơn vợ chồng ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị G thống nhất trình bày: vợ chồng ông C, bà G quen biết với bà Trương Thị Triều M nên ngày 23/11/2023 vợ chồng ông C, bà G cho bà M mượn số tiền 30.600.000 đồng để làm ăn, bà M hẹn hết năm 2023 qua năm 2024 sẽ trả số tiền trên, trong giấy vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất cụ thể bao nhiêu, giấy này do bà M viết và ký tên, khi vay bà M không có thể chấp hoặc cầm cố tài sản gì cho vợ chồng ông C, bà G.

Từ khi vay cho đến nay bà M chưa trả được nợ gốc, nay vợ chồng ông C bà G

yêu cầu bà M trả cho vợ chồng ông C, bà G 30.600.000 đồng, yêu cầu bà M tính lãi theo qui định pháp luật.

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án: bị đơn bà Trương Thị Triều M trình bày: bà công nhận ngày 23/11/2023 bà mượn của vợ chồng ông C, bà G số tiền 30.600.000 đồng để làm ăn, bà M hẹn hết năm 2023 qua năm 2024 sẽ trả số tiền trên, đến nay còn nợ vợ chồng ông C, bà G 30.600.000 đồng như vợ chồng ông C, bà G trình bày là đúng, vì vậy nay vợ chồng ông C, bà G khởi kiện yêu cầu bà M trả số nợ 30.600.000 đồng, thì bà M đồng ý số nợ trên, nhưng hiện tại bà M đang gặp khó khăn, nên xin trả dần hàng tháng 3.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Gia Lai phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.
- Buộc bà Trương Thị Triều M có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị G số tiền 30.600.000 đồng (*Ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng*) và tính lãi theo qui định pháp luật.
- Bác yêu cầu xin trả dần của bà Trương Thị Triều M1 xin trả hàng tháng 3.000.000 đồng vì vợ chồng ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị G không đồng ý.
- Buộc bà M1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật để sung ngân sách nhà nước. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho vợ chồng ông C, bà G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là bà Trương Thị Triều M, hiện đang cư trú tại Số nhà A V, xã B, tỉnh Gia Lai (Địa chỉ trước khi sáp nhập: Số nhà A V, thị trấn B, huyện P, tỉnh Bình Định), vì vậy vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Gia Lai theo quy định tại Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Giữa vợ chồng ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị G với bà Trương Thị Triều M2 quen biết nhau nên ngày 23/11/2023 vợ chồng ông C, bà G cho bà M mượn số tiền 30.600.000 đồng để làm ăn, trong giấy vay tiền mà bà M viết và ký tên, vợ chồng ông C, bà G đã cung cấp cho Tòa án để khởi kiện bà M2, giấy vay

này các bên không thỏa thuận lãi suất, hiện nay bà M2 xác định bà M2 còn nợ của vợ chồng ông C, bà G số tiền 30.600.000 đồng đến nay chưa trả cho vợ chồng ông C, bà G và bà M2 cũng thừa nhận bà còn nợ vợ chồng ông C, bà G như vợ chồng ông C, bà G trình bày là đúng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị G, buộc chị Trương Thị Triều M phải trả cho vợ chồng ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị G số tiền 30.600.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật, nhận thấy: khi vay mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất, nhưng khi đến hạn bà M không trả đủ số tiền đã mượn nên theo quy định tại khoản 4 Điều 466 BLDS thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS (10%/năm) trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Do đó, việc yêu cầu tính lãi 10%/năm tương đương 0,83%/tháng theo quy định của pháp luật của ông C, bà G là có cơ sở, tính lãi suất trên số tiền 30.600.000 đồng trong 01 năm 05 tháng 09 ngày (từ ngày nộp đơn khởi kiện ngày 24/6/2024 đến ngày xét xử là ngày 03/12/2025) với mức lãi suất là 10%/năm với số tiền lãi là 4.410.452 đồng (làm tròn 4.410.000 đồng).

[2.3] Đối với yêu cầu xin trả dần số nợ gốc của bà M, hàng tháng trả 3.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông C, bà G không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà M.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà M phải chịu theo quy định pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho vợ chồng ông C, bà G.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Gia Lai: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị G.

2- Buộc bà Trương Thị Triều M có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị G số tiền 35.010.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu không trăm mười nghìn đồng*). Trong đó tiền gốc 30.600.000 đồng (*Ba mươi triệu sáu trăm ngàn đồng*). Tiền lãi 4.410.400 đồng. (*Bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng*).

3- Bác yêu cầu xin trả dần mỗi tháng trả 3.000.000 đồng của bà Trương Thị Triều M vì vợ chồng ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị G không đồng ý.

4- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trương Thị Triều M phải chịu 1.750.500 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng*) án phí sung ngân sách nhà nước. Hoàn trả cho vợ chồng ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị G 765.000 đồng (*Bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà vợ chồng ông C, bà G đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004072, ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

5- Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 khoản 2, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5.2- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/12/2025).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 3 – Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Toàn